

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN

NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

(SỬA ĐỔI LẦN THỨ 5
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
NGÀY 28-04-2010)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa ngày 28 tháng 4 năm 2010

Điều lệ này của Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2010. Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không tách rời của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa.

Điều lệ này và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với các quy định của pháp luật là những quy định ràng buộc về tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa.

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 - Chú thích từ ngữ :

Trong Điều lệ này, trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

- 1- *Pháp luật* là các Luật, Bộ luật, Pháp lệnh, Nghị định và tất cả văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan nhà nước Việt nam ban hành tại từng thời điểm.
- 2- *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- 3- *Công ty* là Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa.
- 4- *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 5- *Vốn điều lệ* là vốn góp của các cổ đông tại từng thời điểm, được ghi tại Điều lệ này và đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 6- *Cổ đông* là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty và được đăng ký tên trong sổ cổ đông của Công ty.
- 7- *Cổ đông sáng lập* : là những cổ đông hội đủ điều kiện sau
 - a. Tham gia thông qua Điều lệ này tại Đại hội cổ đông thành lập ngày 24/5/2006.

b. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

8- *Cán bộ quản lý* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng được Hội đồng Quản trị, Giám đốc bổ nhiệm hoặc thuê.

9- *Người có liên quan* là bất kỳ các nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ này có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2 - Tên, hình thức thành lập, địa chỉ Công ty :

1- Tên gọi của Công ty :

a- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : CÔNG TY CP NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

b- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh :

KHANH HOA MINERAL WATER JOINT STOCK COMPANY

c- Tên viết tắt : VIKODA

d- Biểu tượng của Công ty :



2- Hình thức thành lập : Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước-Công ty nước khoáng Khánh Hòa- thành Công ty cổ phần. Công ty có tư cách pháp nhân độc lập theo quy định của pháp luật.

3- Địa chỉ Công ty :

a- Trụ sở chính :

- Địa chỉ : xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Điện thoại : 058.3783359 - 058.3783571

- Fax : 058.3783572

- Email : danhthanh@dng.vnn.vn

- Website : www.danhthanh.com.vn

b. Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện :

- Văn phòng đại diện tại Nha Trang (Khánh Hòa) : số 105 đường 23/10, thành phố Nha Trang.

- Chi nhánh tại TPHCM: số 39/4 Nguyễn Xuân Khoát, phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú.

- Chi nhánh tại Lâm Đồng : 42 Trần Nhật Duật, P.5, TP Đà Lạt

- Chi nhánh tại Đắk Lắk : số 76 Ama Khê, P. Tân Lập, TP Buôn Ma Thuột.

- Chi nhánh tại Quảng Ngãi : số 221 Nguyễn Du, TP Quảng Ngãi.

- Chi nhánh tại Phú Yên : 48 Nguyễn Huệ, P.5, Thị Xã Tuy Hòa

4- Công ty có thể thành lập các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước Việt nam để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật Việt nam và Thông lệ Quốc tế.

Điều 3- Thời hạn hoạt động của Công ty :

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày thành lập. Thời hạn hoạt động có thể rút ngắn hoặc gia hạn, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều 4 - Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh :

1- Mục tiêu : sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, nguồn lao động, khả năng quản lý và uy tín của các cổ đông, người lao động để tối đa hóa các nguồn lợi nhuận của Công ty, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước.

2- Ngành nghề kinh doanh : Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề sau

a. Sản xuất đồ uống không cồn; sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai

b. Khai thác nước khoáng thiên nhiên;

c. Mua bán thực phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình;

d. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;

e. Mua bán khí đốt và các sản phẩm của chúng;

g. Mua bán sản phẩm thiết bị văn phòng, máy văn phòng;

h. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;

i. Kinh doanh dịch vụ vận tải;

k. Kinh doanh bất động sản;

l. Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, mua bán hàng hóa trong siêu thị.

3- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

Điều 5- Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý, điều hành hoạt động của công ty; bầu Ban Kiểm soát để kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty là Giám đốc. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê.

Điều 6- Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị- xã hội khác

1. Các tổ chức Đảng cộng sản, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

2. Chi phí cần thiết, hợp lý cho hoạt động của tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam thực hiện theo qui định của pháp luật. Riêng kinh phí Công đoàn được trích bằng 2% quỹ lương và giao cho Ban chấp hành Công đoàn cơ sở quản lý, sử dụng theo qui định hiện hành .

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 7- Quyền của công ty.

1. Chủ động lựa chọn ngành nghề và địa bàn kinh doanh, hình thức đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường.

2. Toàn quyền quyết định việc sử dụng, mua bán, thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích sinh lời cho Công ty và theo qui định của pháp luật. Riêng đối với tài sản là tài nguyên, đất đai do nhà nước giao, cho thuê để sản xuất kinh doanh thì việc quản lý và sử dụng phải tuân thủ theo qui định của pháp luật. Công ty được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp khác từ tài sản của Công ty và được thay đổi cơ cấu tài sản để phát triển sản xuất kinh doanh. Công ty chịu trách nhiệm dân sự trong phạm vi tài sản của mình.

3. Tự chủ về tài chính, lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, tự chủ việc sử dụng vốn và quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.

4. Được quyền tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng, cho nghỉ việc lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và theo qui định của pháp luật; Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, đơn giá tiền lương; chi trả và quyết định mức lương, thưởng cho người lao động theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.

5. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực của Công ty cho bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào nếu không được pháp luật qui định trừ những đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và công ích.

6. Quyết định giá mua, giá bán vật tư nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ do nhà nước quản lý và qui định giá.

7. Được vay vốn của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để phục vụ việc sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển; được quyền cho thuê tài sản, cho vay các nguồn vốn của Công ty vì mục đích phát triển sản xuất kinh doanh, sinh lời theo qui định của pháp luật.

8. Được quyền chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đã đăng ký . Được quyền ký kết hợp đồng với các đơn vị trong và ngoài nước; được liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phát triển sản xuất kinh doanh theo luật định.

Điều 8- Nghĩa vụ của Công ty.

1. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh . Đảm bảo chất lượng hàng hoá , dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Tuân thủ các chế độ hạch toán, kế toán thống kê, các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

3. Chấp hành các qui định về chế độ tuyển dụng, thuê mướn, sử dụng và quản lý lao động; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động theo qui định của pháp luật , tôn trọng quyền của tổ chức Công đoàn theo Luật Công đoàn .

4. Tuân thủ các qui định của nhà nước về quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 9- Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ Công ty từ ngày 10/12/2008 là 21.600.000.000 đ (Hai mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

2. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam.

3. Vốn điều lệ của Công ty phải được góp đủ theo đúng thủ tục và tiến độ đã qui định . Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Không được sử dụng vốn điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không trái với qui định của pháp luật.

Điều 10- Cổ phần:

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.160.000 cổ phần bằng nhau. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng Việt Nam).
2. Tất cả các cổ phần của công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Điều 11- Cổ phiếu:

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vốn trong Công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty có 2 loại : cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.
2. Cổ phiếu của Công ty phải ghi rõ các thông tin theo qui định của Luật Doanh nghiệp, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty. Nếu là cổ phiếu ghi tên, phải ghi đầy đủ họ tên người sở hữu.
3. Bất kỳ cổ đông nào cũng sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu do Công ty phát hành lần đầu chậm nhất trong vòng 30 ngày, kể từ ngày sở hữu cổ phần của Công ty.
4. Nếu cổ phiếu của cổ đông bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy.... cổ đông có quyền yêu cầu công ty đổi, cấp cổ phiếu mới theo qui định tại điều 85 của Luật Doanh nghiệp nhưng cổ đông phải chịu mọi khoản lệ phí theo qui định của Hội đồng quản trị.
5. Người sở hữu cổ phiếu phải chịu trách nhiệm trong việc bảo quản cổ phiếu . Công ty không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc cổ phiếu bị sử dụng vào mục đích lừa đảo.

Điều 12- Chuyển nhượng cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phiếu không ghi tên đều được tự do chuyển nhượng.
 2. Cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu kể từ ngày thành lập công ty không được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của công ty ; trường hợp đặc biệt phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông . Cổ đông sáng lập có nhu cầu chuyển nhượng cổ phiếu không được quyền biểu quyết.
 3. Cổ phiếu của nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần theo giá ưu đãi không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm đầu kể từ ngày thành lập Công ty cổ phần. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin chuyển nhượng. Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng, Hội đồng quản trị phải thông báo rõ lý do cho các bên liên quan biết.
 4. Cổ phiếu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi chuyển nhượng phải thông báo rộng rãi cho cổ đông biết. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn xin chuyển nhượng. Trường hợp không chấp nhận cho chuyển nhượng, Hội đồng quản trị phải thông báo rõ lý do cho các bên liên quan biết.
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
5. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải được đăng ký tại trụ sở chính của Công ty. Đối với cổ phiếu ghi tên, việc chuyển nhượng phải được lập thành văn bản.

Điều 13- Thừa kế cổ phần

1. Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo qui định của pháp luật. Cổ phần thừa kế có thể được tách riêng cho từng người thừa kế theo yêu cầu của những người được thừa kế. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người cùng thừa kế.

2. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể thì tổ chức mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc thay đổi đó, kể cả văn bản của người đại diện.

3. Người được thừa kế cổ phần phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

4. Trường hợp không có người thừa kế hợp pháp, cổ phần sẽ được thu hồi và trở thành tài sản của công ty. Cổ phần này được Công ty giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị Công ty chào bán theo hình thức mà Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 14- Phát hành cổ phiếu, trái phiếu:

1. Việc phát hành thêm cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng phải phù hợp với qui định của pháp luật.

2. Bất kỳ cổ phần mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ đang sở hữu tại công ty vào thời điểm đó. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần cho các cổ đông, nêu rõ số cổ phần, giá chào bán và thời hạn chào bán để cổ đông đặt mua. Số cổ phần nào không được các cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán sẽ thuộc quyền kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bán số cổ phần này cho những đối tượng khác theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp với điều kiện là các cổ phần đó không được bán với điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã bán cho cổ đông của Công ty, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.

3. Công ty có quyền phát hành trái phiếu Công ty để vay vốn dài hạn theo qui định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành và lãi suất phát hành.

Điều 15-Mua lại cổ phần:

1. Công ty mua lại cổ phần của cổ đông theo yêu cầu của cổ đông và theo quyết định của Công ty. Thẩm quyền quyết định mua lại như sau:

- a. Từ 10% vốn điều lệ trở xuống : Do Hội đồng quản trị quyết định.
- b. Trên 10% đến 30% vốn điều lệ : Do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ họ, tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự tính bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nói ở khoản này .

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại mục a khoản 2 điều này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Giá mua tương ứng với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá thoả thuận giữa hai bên . Trường hợp không thoả thuận được giá thì các bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết theo luật định.

3. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty :

a. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty . Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua . Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời gian thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

b. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

4. Công ty chỉ được quyền thanh toán tiền mua lại cổ phần cho cổ đông theo qui định tại khoản 2 và khoản 3 điều này nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần đã mua lại Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác.

5. Tất cả cổ phần được mua lại theo quy định tại điều này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

6. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại quý gần nhất giảm hơn 10% thì Công ty sẽ thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG IV - CỔ ĐÔNG

Điều 16- Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần mà họ sở hữu.

2. Cổ đông có các quyền sau đây:

a. Được nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần mà mình đang sở hữu.

b. Được quyền chuyển nhượng cổ phần theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

c. Được cầm cố, thế chấp cổ phiếu để làm bảo đảm cho các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của mình theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới mà Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình.

e. Được nhận thông tin tóm tắt về tình hình hoạt động của Công ty; Được kiểm tra các thông tin về bản thân trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin này nếu thấy không chính xác; Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên quan đến quyền lợi của mình theo qui định của pháp luật.

f. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động: Được chia tài sản nếu còn của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình đang sở hữu.

g. Được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo qui định tại điều 15 của Điều lệ này.

h. Được tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông . Việc cử đại diện uỷ quyền phải tuân thủ các qui định của Điều lệ này .

i. Các quyền khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này .

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền:

a. Ứng cử, đề cử người vào danh sách bầu vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

b. Yêu cầu xem và nhận bản sao và bản trích lục danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông . Yêu cầu phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng quản trị như qui định tại khoản 2 điều 20 Điều lệ này.

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết . Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số ĐKKD đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông , tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 17- Nghĩa vụ của cổ đông:

1. Tuân thủ điều lệ, các nghị quyết, quyết định và quy chế của Công ty, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần mà mình sở hữu.

3. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Không được rút cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông.

5. Các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18- Ủy quyền và các đại diện được ủy quyền:

1. Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo qui định của pháp luật.

2. Đại diện của cổ đông là tổ chức là đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.

3. Người đại diện theo qui định tại khoản 1 và khoản 2 điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự thực hiện một hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ của cổ đông qui định tại điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty và không được ủy quyền tiếp cho người thứ ba.

4. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự thực hiện một hoặc tất cả các quyền và nghĩa vụ của cổ đông qui định tại điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty và không được ủy quyền tiếp cho người thứ ba.

5. Việc cử đại diện và ủy quyền , thay đổi đại diện và người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo các qui định sau:

a. Trường hợp là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc ký thay mặt bởi người đại diện được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó. Trường hợp thư chỉ định đại diện của cổ đông được ký thay mặt thì phải kèm theo văn bản xác định tư cách hợp pháp của người được ký thay mặt .

CHƯƠNG V -TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 19- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua bằng hình thức nghị quyết các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm
 - b. Báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán.
 - c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát.
 - e. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - f. Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm.
 - g. Sửa đổi và bổ sung điều lệ.
 - h. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ; Quyết định loại cổ phần, giá bán cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán và xử lý cổ phần ngân quỹ.
 - i. Quyết định việc phát hành trái phiếu Công ty.
 - j. Quyết định việc tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất công ty hoặc tham gia liên doanh, liên kết.
 - k. Quyết định việc chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý công ty và quyết định thành lập Hội đồng thanh lý Công ty.
 - l. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
 - m. Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - o. Án định mức thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
 - p. Quyết định mua tài sản hoặc dự án có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty tại quý gần nhất.
 - q. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty tại quý gần nhất
 - r. Quyết định việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành.
3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 20- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ thời hạn kết thúc năm tài chính.
2. Ngoài ra Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, đặc biệt trong trường hợp sau khi kiểm toán, tổ chức Kiểm toán thông báo cần triệu tập Đại hội đồng cổ đông để thảo luận báo cáo kiểm toán hàng năm hoặc tình trạng tài chính của Công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo hàng quý hoặc hàng tháng cho thấy Công ty đã bị thiệt hại một nửa số vốn điều lệ.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát không đủ theo qui định tại khoản 2 điều 26 và khoản 5 điều 30 Điều lệ này.
 - d. Nhận được yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 điều 16 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu của Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày một trong những hiện tượng nêu trong mục a, b hoặc c khoản 2 điều này xảy ra hoặc từ ngày nhận được yêu cầu tại mục d khoản 2 điều này.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông nêu tại khoản 2 điều này thì Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập đại hội đồng cổ đông thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 điều 16 Điều lệ này có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cần thiết hợp lý để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm các chi phí mà cổ đông phải chịu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách đó; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo triệu tập họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo qui định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21- Thể thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư, email hoặc fax đến các cổ đông theo địa chỉ mà họ đã đăng ký, chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo triệu tập phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp, kèm theo chương trình họp và các thông tin đầy đủ và những vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Việc đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 điều 16 điều lệ này phải được gửi đến Hội đồng quản trị trước ít nhất 15 ngày, kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Đề xuất phải bao gồm tên và chữ ký của các cổ đông; Số lượng, loại cổ phần mà họ nắm giữ và nội dung và nội dung các vấn đề đề xuất đưa vào chương trình họp. Khi nhận được đề xuất, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải xem xét để đưa những nội dung đó vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 2 của điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng hạn.
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp không do Hội đồng quản trị triệu tập, phải dự thảo nghị quyết đối với từng nội dung trong chương trình họp.

4. Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp.

Điều 22- Điều kiện dự Đại hội đồng cổ đông: Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của công ty đều có quyền tham dự Đại hội.

Điều 23- Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ toạ, nếu chủ tịch vắng mặt thì phó chủ tịch Hội đồng quản trị chủ toạ. Nếu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt

thì bất kỳ người nào khác do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ tọa. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập thì người triệu tập có quyền chủ tọa cuộc họp.

2. Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự họp; lập danh sách cổ đông và đại diện cổ đông tham dự họp, ghi rõ số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện và số cổ phần có quyền biểu quyết. Việc đăng ký phải được tiến hành tiếp tục cho đến khi bảo đảm đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Văn bản ủy quyền cho đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Ban Tổ chức ít nhất 01 ngày trước ngày cuộc họp dự định khai mạc.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký và Ban Giám sát bầu cử.

4. Cuộc họp Đại hội đồng lần thứ nhất chỉ được tiến hành hợp lệ khi số cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt chiếm ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không đủ số lượng cổ đông và các đại diện được ủy quyền cần thiết như trên trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là không đủ điều kiện tiến hành và phải được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ nhất.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành hợp lệ khi số cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt chiếm ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 kể từ thời điểm dự định khai mạc, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ 3 trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai.

6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp. Tất cả những cổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

7. Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông muộn không quá 30 phút, có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng chủ tọa không được dừng cuộc họp đó để đợi họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 24- Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hay bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ của tất cả các cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; việc tổ chức lại, giải thể Công ty; mua, bán tài sản; dự án đầu tư qui định tại các mục p, q khoản 2 điều 19 Điều lệ này được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải tuân thủ các qui định sau:

a. Người có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản quyết định các vấn đề để cổ đông xem xét.

b. Gửi các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến, trong đó qui định thời hạn phải gửi ý kiến lại cho Công ty, cùng với tất cả các văn bản cần thiết khác để các cổ đông có thể ra quyết định của mình;

c. Kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến và thông báo kết quả đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày hết hạn nhận lại ý kiến.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.

7. Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản họp và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ ngày phiên họp kết thúc. Các biên bản này là những bằng chứng cuối cùng về công việc được tiến hành tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của chủ tọa và thư ký, và có những nội dung chủ yếu qui định tại Luật Doanh nghiệp. Các biên bản, bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25- Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 26- Thành phần Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên có 5 thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị khuyết 2 thành viên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung trong vòng 30 ngày.

3. Thành viên hội đồng quản trị phải là người có các tiêu chuẩn điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp mà Luật Doanh nghiệp qui định.

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là cổ đông khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc quản lý những ngành nghề chủ yếu của Công ty.

c. Không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá hai tổ chức kinh tế khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị qui định tại khoản 3 điều này.

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong vòng 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Có đơn xin từ chức.

d. Có quyết nghị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương hoặc thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí hợp lý về đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác do họ đã chi liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27- Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị.

c. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị

d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

3. Khi vắng mặt, chủ tịch Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch, nếu Phó Chủ tịch cũng vắng mặt thì uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được uỷ quyền vì bất cứ lý do nào, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bầu một người trong số họ để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

Điều 28- Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định..

c. Chào bán cổ phần, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, qui định mức lương và lợi ích khác đối với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

e. Giám sát, chỉ đạo Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

f. Quyết định cơ cấu, tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quy chế tuyển dụng, buộc thôi việc nhân viên quản lý Công ty phù hợp với qui định của pháp luật.

g. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết bằng văn bản.

h. Phê chuẩn các quyết định về vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường do Công ty thực hiện.

i. Quyết định mua tài sản hoặc dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại quý gần nhất.

j. Quyết định việc bán tài sản công ty có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại quý gần nhất.

k. Quyết định việc mua lại bằng hoặc ít hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành.

l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại quý gần nhất.

m. Xem xét, quyết định việc chuyển nhượng cổ phần ghi tên, trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

n. Lập báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.

o. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:

+ Các loại cổ phần của Công ty và tổng số cổ phần phát hành của từng loại.

+ Tăng, giảm vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phần hoặc xử lý cổ phần ngân quỹ.

+ Kế hoạch phát hành trái phiếu.

+ Sửa đổi và bổ sung điều lệ

+ Cơ cấu lại hoặc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Công ty hoặc tham gia liên doanh.

+ Báo cáo tài chính năm, phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận .

+ Mức cổ tức được trả hàng năm đối với mỗi loại cổ phần.

p. Quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty.

q. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ tài sản, lao động, hồ sơ tài liệu của Công ty Nước khoáng Khánh Hoà và hoàn tất những thủ tục còn lại để chính thức đưa Công ty cổ phần đi vào hoạt động.

Điều 29- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp định kỳ: Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập vào bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành hợp lệ khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự. Cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 ngày, sau ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập; cuộc họp này do thành viên có số cổ phần cao nhất triệu tập.

2. Cuộc họp bất thường : Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát.

b. Có đề nghị của ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị;

c. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 điều này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người có yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị tại khoản 2 điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Thông báo và chương trình họp: Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết. Thông báo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 ngày, trước ngày dự định khai mạc cuộc họp.

5. Biểu quyết:

a. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi được quá bán số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bỏ lá phiếu quyết định.

b. Trong trường hợp các vấn đề đưa ra biểu quyết có liên quan tới lợi ích vật chất trực tiếp hay gián tiếp của một thành viên Hội đồng quản trị thì thành viên này phải công bố sự liên quan, bản chất và nội dung của lợi ích đó và không được tham gia biểu quyết.

c. Thành viên Hội đồng quản trị không thể trực tiếp dự họp có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ, trước giờ cuộc họp dự định khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản chỉ được mở dưới sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

d. Biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua hợp lệ bởi các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết và thỏa mãn được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành thông qua biểu quyết qui định tại khoản 1 và khoản 5 điều này. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.

2. Biên bản: Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập và được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 5 ngày sau ngày cuộc họp kết thúc. Biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên dự họp và là bằng chứng về các công việc đã tiến hành tại cuộc họp.

3. Những người được mời dự bổ sung: Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông, các cán bộ quản lý công ty, kiểm toán viên độc lập và các chuyên viên khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

Điều 30- Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo hình thức bỏ phiếu kín, trong đó ít nhất phải có một thành viên am hiểu về nghiệp vụ tài chính kế toán. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ là trưởng Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban Kiểm soát:

a. Là cổ đông hoặc đại diện cổ đông pháp nhân của Công ty, có đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi dân sự; Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

b. Không phải là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.

c. Thành viên Ban Kiểm soát không được là cán bộ quản lý Công ty.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp như thành viên Hội đồng quản trị được qui định tại khoản 4 điều 26 Điều lệ này.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Khi cần thiết, sau khi hết nhiệm kỳ, Ban kiểm soát cũ tiếp tục cùng Ban Kiểm soát mới xử lý những việc còn tồn đọng, nhưng không quá 30 ngày.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát khuyết 2 thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày để bầu bổ sung.

Điều 31- Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh; báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 điều 16 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 3 điều 16 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông đã có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty qui định tại điều 35 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty; có quyền đến các địa điểm nơi cán bộ quản lý Công ty làm việc. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

11. Được hưởng thù lao và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác liên quan tới việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 32- Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất, nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác..

4. Thành viên Ban Kiểm soát vi phạm các nghĩa vụ qui định tại các khoản 1,2 và 3 điều này gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông hoặc người khác thì thành viên đó phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

5. Các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 33- Thư ký Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm thư ký Hội đồng với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các qui định pháp luật hiện hành về lao động. Nhiệm vụ thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

- a- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b- Ghi biên bản các cuộc họp.
- c- Cung cấp các thông tin cần thiết, biên bản họp Hội đồng quản trị cho thành viên Hội đồng quản trị
- d- Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 34- Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm hoặc thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại quý gần nhất.

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

c. Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư của Công ty.

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ Công ty.

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ quản lý Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

f. Soạn thảo qui chế cũng như lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Công ty, cũng như quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

g. Trực tiếp tuyển dụng, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty, kể cả những cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo qui định của Bộ luật Lao động.

h. Kiến nghị phương án phân chia lợi nhuận sau thuế, phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng qui định của pháp luật, điều lệ Công ty, hợp đồng lao động đã ký với Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng

cổ đông, Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với qui định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường những thiệt hại đó .

5. Giám đốc được hưởng tiền lương và các lợi ích khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc hợp đồng đã ký.

Điều 35- Nghĩa vụ của người quản lý Công ty .

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng các qui định của pháp luật và điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối , thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ qui định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị, Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ trung thực hoặc không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

4. Các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 36- Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

Các hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 30% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc những người có liên quan của họ hoặc bất kỳ Công ty, hiệp hội, tổ chức nào khác mà những người nêu trên là thành viên hoặc có lợi ích tài chính liên quan, chỉ được ký kết theo qui định sau:

1. Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty tại quý gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký . Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết về vấn đề này.

2. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty tại quý gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị thống nhất trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Điều 37- Giải quyết tranh chấp nội bộ

Bất cứ khi nào mọi sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của cổ đông nảy sinh từ điều lệ này hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật qui định, giữa cổ đông và Công ty hoặc cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng hoặc hòa giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là người chủ trì quá trình giải quyết tranh chấp. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 15 ngày, kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án. Các bên tranh chấp sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng hoặc hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do toà phán quyết.

CHƯƠNG VI

HẠCH TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Điều 38- Năm tài chính :

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 39- Hệ thống kế toán

- 1- Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt nam
- 2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
- 3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán
- 4- Cuối mỗi niên độ kế toán, Hội đồng quản trị xem xét thông qua báo cáo tài chính bao gồm :
 - a- Bản cân đối tài sản
 - b- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - c- Báo cáo luân chuyển tiền tệ
 - d- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- 5- Báo cáo tài chính năm của Công ty được kiểm toán theo quy định của pháp luật.
- 6- Các báo cáo tài chính năm và các tài liệu có liên quan phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho các cơ quan nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 40- Phân phối lợi nhuận sau thuế :

Lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối như sau :

- 1- Trích quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.
 - 2- Trích thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát 3% lợi nhuận sau thuế.
 - 3- Trích thưởng Ban Giám đốc 2,5% lợi nhuận sau thuế.
- Số chi cụ thể các khoản trên sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên.
- 4- Sau khi trừ các khoản trên, số còn lại được phân phối :
 - Trích quỹ đầu tư phát triển 10%
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10%
 - Chia cổ tức : Mức chia cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định

Điều 41- Cổ tức :

1- Cổ tức được tính theo tỷ lệ phần trăm trên vốn điều lệ trong giai đoạn chi trả. Theo quy định của pháp luật và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi đã trích lập các quỹ tại điều 40 của Điều lệ này.

2- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có thể tạm trả cổ tức trước khi hết năm tài chính nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng lợi nhuận sẽ đạt được của Công ty.

3- Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định chi trả cổ tức bằng các hình thức khác thay cho việc thanh toán bằng tiền Việt Nam nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 42- Con dấu Công ty :

1- Con dấu Công ty được khắc theo mẫu quy định của pháp luật và được đăng ký tại cơ có thẩm quyền trước khi sử dụng.

2- Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 43- Chấm dứt hoạt động :

Công ty có thể bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau đây :

- a- Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không tiếp tục gia hạn
- b- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- c- Bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật

Điều 44 - Thanh lý :

1- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng thanh lý gồm 5 thành viên để cùng với Ban Kiểm soát Công ty thực hiện thanh lý theo quy định của pháp luật.

2- Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan nhà nước Việt nam.

3- Tiền thu được từ việc thanh lý Công ty sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 45- Chính thức hoạt động:

Công ty sẽ chính thức hoạt động khi đã hoàn thành các thủ tục sau :

- Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua,
- Xác nhận đầy đủ danh sách cổ đông sáng lập.
- Đã bầu được Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Hoàn tất các thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 46 : Hiệu lực của Điều lệ :

Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa, sửa đổi lần 5, ngày 28/04/2010

1. Điều lệ này có 7 chương với 46 điều, đã được thông qua hợp lệ và được chấp thuận hiệu lực toàn văn bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa ngày 28-4-2010

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 3 thành viên HĐQT Công ty và con dấu của Công ty mới có giá trị pháp lý.

4. Điều lệ này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị ngang nhau, trong đó :

- 01 bản nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH&ĐT Khánh Hòa;
- 05 bản gửi cho các thành viên HĐQT Công ty;
- 01 bản gửi Trưởng Ban kiểm soát Công ty;
- 01 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT

Ngô Thị Tuyết Trinh

Chủ tịch HĐQT

Phạm Đình Khương

Các thành viên HĐQT

Trần Hà

Nguyễn Ngọc Dũng

Nguyễn Văn Trung